

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN THAN UYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 157/NQ-HĐND

Than Uyên, ngày 15 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Chương trình phát triển đô thị thị trấn Than Uyên
và vùng phụ cận đến năm 2035**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN
KHOÁ XXI - KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ

Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh định hướng Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08/9/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1680/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 981/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh Lai Châu phê duyệt đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng thị trấn Than Uyên và vùng phụ cận đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt Đề cương Chương trình phát triển đô thị thị trấn Than Uyên và vùng phụ cận đến năm 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND huyện Than Uyên về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Xét Tờ trình số 3626/TTr-UBND ngày 08/10/2024 của UBND huyện về thông qua Chương trình phát triển đô thị thị trấn Than Uyên và vùng phụ cận đến năm 2035; Báo cáo thẩm tra số 196/BC-HĐND ngày 14/10/2024 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Chương trình phát triển đô thị thị trấn Than Uyên và vùng phụ cận đến năm 2035. Với một số nội dung chính như sau:

1. Tên gọi: Chương trình phát triển đô thị thị trấn Than Uyên và vùng phụ cận đến năm 2035.

2. Phạm vi lập Chương trình phát triển đô thị

- Phạm vi lập Chương trình theo ranh giới Đồ án Quy hoạch chung đã được UBND tỉnh Lai Châu phê duyệt, với diện tích khoảng 709,34 ha, bao gồm:

+ Diện tích thuộc thị trấn Than Uyên là: 524,90 ha.

- + Diện tích thuộc xã Mường Cang là: 97,22 ha.
- + Diện tích thuộc xã Mường Than là: 87,22 ha.
- + Vị trí, ranh giới: Phía Bắc giáp xã Mường Than; phía Đông giáp xã Mường Than, xã Hua Nà; phía Nam giáp xã Hua Nà, xã Mường Cang; phía Tây giáp xã Mường Cang, xã Mường Than.

3. Quan điểm, mục tiêu phát triển đô thị

a. Quan điểm

- Phát triển thị trấn Than Uyên phải đặt trong định hướng phát triển kinh tế xã hội chung của huyện Than Uyên và tỉnh Lai Châu đến năm 2030, Chương trình phát triển đô thị tỉnh Lai Châu đến năm 2035 và Quy hoạch chung thị trấn Than Uyên đến năm 2035.

- Đầu tư xây dựng phát triển đô thị có trọng tâm, trọng điểm, phát triển đô thị đảm bảo sử dụng hiệu quả quỹ đất xây dựng, đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật - xã hội, kiểm soát chất lượng môi trường, có bản sắc hài hòa giữa bảo tồn, cải tạo và xây dựng mới.

- Xây dựng đô thị có điều kiện sống tốt, tăng cường sức cạnh tranh đô thị trong khu vực.

b. Mục tiêu

* Mục tiêu chung

- Tạo lập môi trường sống và làm việc tốt, hiệu quả, đáp ứng các nhu cầu vật chất, tinh thần của người dân.

- Đảm bảo sự phát triển hài hòa và bền vững giữa đô thị và nông thôn; Công nghiệp và dân sinh, môi trường; sản xuất hiện đại và di sản văn hoá.

- Phát triển đô thị, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, an ninh, quốc phòng và phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện, của tỉnh.

- Cụ thể hóa đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thị trấn Than Uyên và vùng phụ cận đến năm 2035; quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phù hợp với quy hoạch tỉnh Lai Châu, quy hoạch phát triển huyện Than Uyên.

- Trên cơ sở Kế hoạch phân loại đô thị quốc gia; Chương trình phát triển đô thị của tỉnh; Đồ án Quy hoạch tỉnh và thực trạng phát triển đô thị thị trấn Than Uyên, xác định lộ trình phân loại đô thị cụ thể như sau:

Nội dung	Hiện trạng	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035
Đô thị thị trấn Than Uyên	Loại V	Loại V Hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại V	Đầu tư đạt tiêu chí đô thị loại IV	Nâng cao tiêu chí đô thị loại IV

* Mục tiêu cụ thể

- Giai đoạn 2024 - 2025

+ Đầu tư xây dựng hoàn thiện các tiêu chí còn thiếu, còn yếu so với tiêu chí đô thị loại V và hướng tới các tiêu chí đô thị loại IV.

+ Cải tạo chỉnh trang nâng cao chất lượng khu vực đô thị hiện hữu.

- Giai đoạn 2026 - 2030

+ Đầu tư xây dựng mở rộng không gian đô thị, đạt tiêu chí đô thị loại IV.

+ Cải tạo chỉnh trang nâng cao chất lượng khu vực đô thị hiện hữu.

+ Đầu tư xây dựng khu vực mở rộng đô thị.

4. Chỉ tiêu chính phát triển đô thị

TT	Chỉ tiêu đánh giá cơ bản	Hiện trạng năm 2023	Đề xuất đến năm 2025	Đề xuất đến năm 2030	Đề xuất đến năm 2035
1	Mật độ dân số toàn đô thị (người/km ²)	1.586	1.615	1.734	1.930

5. Lộ trình triển khai các khu vực phát triển đô thị

TT	Khu vực phát triển đô thị	Giai đoạn	
		2024 - 2025	2026 - 2035
1	Khu vực PTĐT 1		
	Đầu tư các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, các công trình công cộng	x	x
	Cải tạo chỉnh trang khu dân cư hiện hữu	x	x
	Đầu tư các khu ở mới, khu đô thị mới	x	x
2	Khu vực PTĐT 2		
	Đầu tư các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, các công trình công cộng	x	x
	Cải tạo chỉnh trang khu dân cư hiện hữu	x	x
	Đầu tư các khu ở mới, khu đô thị mới	x	x

6. Danh mục các dự hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ưu tiên đầu tư

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

7. Nguồn vốn thực hiện Chương trình

- Vốn ngân sách nhà nước (ngân sách Trung ương và tỉnh) dành chủ yếu cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khung đô thị như: Giao thông, cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải... Ngân sách huyện ưu tiên cho đầu tư giải quyết các vấn đề cấp bách, chỉnh trang đô thị...

- Vốn ngoài Nhà nước: Tăng cường thu hút vận động các nguồn vốn từ Nhân dân, các doanh nghiệp cho phát triển kinh doanh, xã hội hóa đầu tư phát triển các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, thương mại dịch vụ, du lịch...; Huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp, tập đoàn lớn đầu tư trực tiếp vào các dự án phát triển đô thị, du lịch trên địa bàn.

8. Nhu cầu vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn

- Nhu cầu vốn đầu tư tổng thể cả chương trình: Khoảng 4.310.428 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: Khoảng 1.597.457 triệu đồng.

+ Ngân sách tỉnh: Khoảng 705.543 triệu đồng.

+ Ngân sách huyện: Khoảng 207.620 triệu đồng.

+ Nguồn vốn xã hội hóa (Doanh nghiệp, Nhân dân đóng góp) và các nguồn vốn hợp pháp khác: Khoảng 1.799.808 triệu đồng.

- Phân theo giai đoạn thực hiện:

+ Giai đoạn 2023 - 2025: Khoảng 311.208 triệu đồng.

+ Giai đoạn 2026 - 2030: Khoảng 2.497.788 triệu đồng.

+ Giai đoạn 2031 - 2035: Khoảng 1.501.432 triệu đồng.

9. Các giải pháp về cơ chế chính sách thực hiện Chương trình

a. Giải pháp về huy động nguồn vốn đầu tư

- Đối với nguồn vốn ngân sách:

+ Kiến nghị Trung ương, tỉnh triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn, đặc biệt là các dự án về giao thông, cấp điện, xử lý nước thải...; cấp nguồn vốn kinh phí để cải tạo chỉnh trang đô thị.

+ Trên cơ sở chương trình phát triển đô thị được duyệt, kiến nghị UBND tỉnh ưu tiên nguồn vốn ngân sách đầu tư cho thị trấn Than Uyên làm động lực phát triển, thu hút đầu tư trên địa bàn huyện.

+ Kiến nghị UBND tỉnh có cơ chế chính sách bổ sung thêm nguồn kinh phí cải tạo, phát triển đô thị trên cơ sở nguồn thu từ đấu giá đất trên địa bàn thị trấn.

+ Nghiên cứu và lồng ghép các nguồn vốn, thực hiện các biện pháp để tăng nguồn thu để lại đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách như nguồn

thu từ hoạt động xổ số kiến thiết; các nguồn sự nghiệp có tính chất đầu tư như: Giao thông, thủy lợi, môi trường,...; huy động các nguồn tăng thu từ Ngân sách tỉnh và từ các nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn.

- Đối với nguồn vốn ngoài ngân sách:

+ Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất UBND tỉnh ban hành chính sách ưu đãi hỗ trợ đối với nhà đầu tư vào vùng quy hoạch sản xuất và chế biến nông sản hàng hóa tập trung, cụm tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ du lịch.

+ Kiến nghị UBND tỉnh tạo điều kiện đẩy nhanh thủ tục hành chính để thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng các khu đô thị, khu dân cư, các công trình hạ tầng như bến xe, thương mại, dịch vụ...

+ Thực hiện chủ trương Nhà nước và Nhân dân cùng làm, tổ chức các cuộc vận động người dân chủ động cải tạo nhà ở, đường, chiếu sáng ngõ hẻm...

b. Phát triển Khoa học - Công nghệ và Bảo vệ môi trường

- Tiếp tục thúc đẩy, khuyến khích đầu tư đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

- Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tập trung đầu tư cải tiến công nghiệp sản xuất. Đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, tạo ra bước đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa. Đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học trong lĩnh vực công nghệ, quản trị kinh doanh, bảo vệ môi trường. Liên kết với các viện nghiên cứu, các trường đại học, hỗ trợ kinh phí cho các công trình nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp.

- Phát triển mạnh dịch vụ chất lượng cao, hiện đại nhất là các dịch vụ công nghệ cao như: Viễn thông, công nghệ thông tin, ngân hàng, tài chính, dịch vụ y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thể thao.

- Xây dựng, hoàn thiện kế hoạch, phương án toàn diện cho việc triển khai xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử.

c. Chính sách về lao động, việc làm và các chính sách xã hội

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về đào tạo, lao động, việc làm, các chính sách và biện pháp trợ giúp phát triển kinh tế và tiếp cận các dịch vụ xã hội cho người nghèo.

- Nghiên cứu, đề xuất các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển mạng lưới dạy nghề cho người lao động, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo và đào tạo nghề. Thực hiện tốt các chính sách xã hội như: Chăm sóc người có công, bảo trợ xã hội, phòng, chống tệ nạn xã hội,... theo hướng xã hội hoá.

d. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Phát huy tối đa nguồn nhân lực của địa phương. Quan tâm công tác đào tạo nguồn nhân lực nhằm thích ứng với việc đô thị hóa. Có các chính sách như:

Được hưởng các chế độ phụ cấp, BHYT, sắp xếp nơi ở và nơi làm việc, hưởng chế độ nghỉ hàng năm,... nhằm thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, khoa học kỹ thuật, các chuyên gia giỏi, về địa bàn huyện sinh sống, làm việc. Đặc biệt là tri thức của đồng bào dân tộc thiểu số về phát triển quê hương.

- Đào tạo nâng cao năng lực, chuyên môn cán bộ quản lý về xây dựng, phát triển đô thị của huyện, xã, thị trấn.

e. Công tác tuyên truyền vận động

- Phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị là yếu tố quan trọng để phát triển đô thị thị trấn Than Uyên và vùng phụ cận đến năm 2035 đảm bảo phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện trong giai đoạn tiếp theo và không trái với các quy hoạch khác đã được phê duyệt.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức đối với cấp ủy Đảng, chính quyền, hệ thống chính trị và toàn thể Nhân dân về phát triển đô thị, xây dựng nếp sống văn minh đô thị. Bảo đảm khai thác và sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn lực; bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, thảm họa thiên tai nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Tạo ra môi trường sống tốt cho cư dân đô thị; bảo đảm lợi ích của cộng đồng hài hoà với lợi ích của Nhà nước và nhà đầu tư. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và các điểm du lịch hiện có theo hướng đầu tư phát triển đô thị.

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Than Uyên khóa XXI, kỳ họp thứ mười chín thông qua ngày 15 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- MTTQ và các đoàn thể;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Văn Hương



DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2024-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 157/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND huyện Than Uyên)

TT	Nội dung công việc	Địa điểm	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí/nguồn vốn (triệu đồng)				Ghi chú
				Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Các nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn hỗ trợ khác	
	TỔNG CỘNG		311.208	119.757	53.543	37.100	100.808	
A	Hạ tầng xã hội							
I	Công trình văn hóa							
1	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	2.000			2.000		
2	Nhà thư viện huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	3.300	2.200	1.100			
3	Cải tạo, nâng cấp khuôn viên sân vận động huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	6.000		6.000			
II	Công trình trụ sở							
1	Xây dựng nhà làm việc Văn phòng Huyện ủy huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	7.800		7.800			
2	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc khối Đoàn thể, các Ban xây dựng đảng và khuôn viên Huyện ủy	Thị trấn Than Uyên	4.500		4.500			
3	Nâng cấp, sửa chữa phòng làm việc, lát nền sân trụ sở Văn phòng HĐND & UBND huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	3.500			3.500		
4	Cải tạo, nâng cấp hội trường trung tâm UBND huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	1.800		1.800			
5	Nâng cấp trụ sở làm việc phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	1.000		1.000			
6	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế, trung tâm y tế huyện	Thị trấn Than Uyên	5.000		5.000			
III	Công trình thương mại dịch vụ							
1	Quy hoạch chi tiết Chợ trung tâm thị trấn huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	404				404	
2	Dự án xây dựng mới Chợ trung tâm thị trấn huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	100.000				100.000	
IV	Công trình thể dục thể thao							



TT	Nội dung công việc	Địa điểm	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí/nguồn vốn (triệu đồng)				Ghi chú
				Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Các nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn hỗ trợ khác	
	TỔNG CỘNG		311.208	119.757	53.543	37.100	100.808	
1	Cải tạo, nâng cấp khuôn viên sân vận động huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	6.000			6.000		
B	Hạ tầng kỹ thuật							
I	Công trình giao thông							
1	Quy hoạch chi tiết Bến xe khách huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	404				404	
2	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL32 vào Huyện uỷ và UBND huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	1.500		1.500			
3	Nâng cấp, cải tạo hàng lang QL32 từ cầu Mường Cang đến khu 10 thị trấn Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	9.500			9.500		
4	Hạ tầng đô thị thị trấn Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	100.000	100.000				
5	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường nội thị: Đường Trần Quốc Mạnh; đường Thanh Niên (đoạn từ trường THPT Than Uyên đến cuối hồ trung tâm huyện); đường từ QL32 đi khu đấu giá đất tại khu 8 thị trấn Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	3.500			3.500		
II	Cấp nước							
1	Làm hệ thống trụ nước, bể nước và bển lấy nước phục vụ công tác chữa cháy trên địa bàn huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	2.400	2.400				
III	Cây xanh		3.600			3.600		
IV	Xử lý nước thải							
1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung Thị trấn Than Uyên (GD1)	thị trấn Than Uyên	40.000	15.157	24.843			
C	Cải tạo chỉnh trang đô thị							
1	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới (tạo quỹ đất ở để đấu giá quyền sử dụng đất dọc ven đường QL32) xã Mường Than, huyện Than Uyên (giai đoạn 2)	thị trấn Than Uyên	4.000			4.000		
2	Cải tạo, nâng cấp khu vực phố đi bộ 15/10 và khuôn viên hồ thị trấn Than Uyên	thị trấn Than Uyên	5.000			5.000		



TT	Nội dung công việc	Địa điểm	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí/nguồn vốn (triệu đồng)				Ghi chú
				Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Các nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn hỗ trợ khác	
	TỔNG CỘNG		311.208	119.757	53.543	37.100	100.808	
D	Đầu tư xây dựng một số công trình khác trên địa bàn...							

Ghi chú: - Tên công trình, dự án được tạm thời xác định tại thời điểm lập hồ sơ; tên cụ thể, chính xác sẽ được xác định trong quá trình lập, phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Quy mô, phạm vi ranh giới, diện tích sử dụng đất và tổng mức đầu tư rong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư./.





DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026-2030

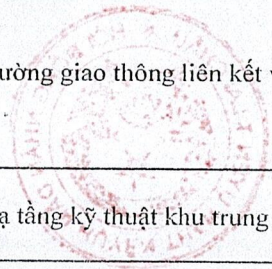
(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND huyện Than Uyên)

TT	Nội dung công việc	Địa điểm	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí/nguồn vốn (triệu đồng)				Ghi chú
				Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Các nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn hỗ trợ khác	
A	Hạ tầng xã hội		2.497.788	934.600	122.000	93.988	1.347.200	
I	Y tế							
1	Nâng cấp TTYT huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	50.000		50.000			
2	Cải tạo, nâng cấp khoa, phòng Trung tâm Y tế	Thị trấn Than Uyên	9.500		9.500			
3	Đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng mới các khu chức năng bệnh viện huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	20.000		20.000			
II	Công trình giáo dục							
1	Xây dựng phòng học bộ môn, phòng hỗ trợ Trường Tiểu học thị trấn Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	4.000		4.000			
2	NC, SC Trường THCS thị trấn Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	1.000		1.000			
III	Công trình văn hóa							
1	Đầu tư xây dựng nhà văn hóa khu 2 thị trấn Than Uyên	Khu 2, thị trấn Than Uyên	850			850		
2	Đầu tư xây dựng nhà văn hóa khu 5b thị trấn Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	850			850		
3	Làm hệ thống sân, tường rào, cổng khu vực nhà Văn hóa cộng đồng khu 9 thị trấn Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	1.500	1.500				
IV	Công trình trụ sở							
1	Xây dựng trụ sở công an thị trấn	Khu 7 thị trấn Than Uyên	7.000	7.000				



Nội dung công việc

TT	Nội dung công việc	Địa điểm	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí/nguồn vốn (triệu đồng)				Ghi chú
				Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Các nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn hỗ trợ khác	
2	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND thị trấn Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	20.000			20.000		
V	Công trình thương mại, dịch vụ							
1	Dự án xây dựng khu giết mổ tập chung	Thị trấn Than Uyên	10.000				10.000	
VI	Công trình thể thao							
1	Nhà thi đấu đa năng huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	10.000		10.000			
B	Hạ tầng kỹ thuật							
I	Giao Thông							
1	Nâng cấp, sửa chữa đường Nguyễn Chí Thanh	Thị trấn Than Uyên	1.820			1.820		
2	Nâng cấp, sửa chữa đường Tôn Thất Tùng	Thị trấn Than Uyên	2.128			2.128		
3	Nâng cấp, sửa chữa đường Lương Định Của	Thị trấn Than Uyên	800			800		
4	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội thị trên địa bàn thị trấn Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	8.000		8.000			
5	Đầu tư xây dựng mở mới các tuyến đường theo Quy hoạch chung thị trấn Than Uyên (giai đoạn 1)	Thị trấn Than Uyên	175.000	175.000				
6	Sửa chữa, nâng cấp phố Tô Vĩnh Diện - Khu 5b thị trấn Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	2.000		2.000			
7	Đường giao thông liên kết vùng huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên, các xã: Phúc Than; Mường Than; Hua Nà; Mường Cang, huyện Than Uyên	480.000	480.000				
8	Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính mới huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	180.000	180.000				





TT	Nội dung công việc	Địa điểm	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí/nguồn vốn (triệu đồng)				Ghi chú
				Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Các nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn hỗ trợ khác	
9	Xây dựng mới Bến xe khách huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	40.000				40.000	
II	Cấp nước							
1	Mở rộng, nâng cấp hệ thống cấp nước thị trấn và vùng phụ cận	Thị trấn Than Uyên	20.000				20.000	
III	Cấp điện							
1	Nâng cấp công trình điện chiếu sáng các khu dân cư thị trấn Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	4.000			4.000		
IV	Cây xanh							
1	Xây dựng các khu vườn hoa trong các khu dân cư, duy tu, trồng cây bổ sung đường phố, trong các khu dân cư mới	Thị trấn Than Uyên	2.000			2.000		
V	Nghĩa trang, nhà tang lễ							
1	Xây dựng nhà tang lễ thị trấn Than Uyên	Khu 6	5.000			5.000		
VI	Công trình kiến trúc tiêu biểu							
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu tâm linh và vùng lân cận	Khu 6	2.200				2.200	
2	Dự án Đầu tư xây dựng khu tâm linh huyện Than Uyên	Khu 7	50.000				50.000	
VII	Hệ thống thông tin liên lạc							
1	Dự án hạ tầng viễn thông		500				500	
VIII	Hệ thống thoát nước							
1	Cải tạo nâng cấp đường, công, rãnh thoát nước mưa khu dân cư và một số hạng mục khác nghĩa trang nhân dân thị trấn Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	1.000			1.000		
2	Cải tạo kết hợp xây dựng mới hệ thống thoát nước mặt thị trấn Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	2.000				2.000	



TT	Nội dung công việc	Địa điểm	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí/nguồn vốn (triệu đồng)				Ghi chú
				Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Các nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn hỗ trợ khác	
IX	Thu gom, xử lý nước thải, chất thải							
1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung thị trấn Than Uyên (giai đoạn 2)	Thị trấn Than Uyên	90.000	90.000				
2	Mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) đảm bảo quy định về BVMT trên địa bàn huyện Than Uyên, địa điểm thị trấn Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	5.000		5.000			
C	Cải tạo chỉnh trang đô thị							
1	Lập quy hoạch Xây dựng khu đô thị mới 5A-7 thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên	thị trấn Than Uyên	2.500				2.500	
2	Đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư, khu đô thị mới trên địa bàn (Khu 5A, 7, các khu dân cư khác...)		1.200.000				1.200.000	
3	Xây dựng khu du lịch sinh thái thị trấn Than Uyên	Khu 9, thị trấn Than Uyên	20.000				20.000	
4	Nâng cấp Công trình điện chiếu sáng các khu dân cư thị trấn Than Uyên.	thị trấn Than Uyên	5.000			5.000		
5	Cải tạo xây dựng khuôn viên hồ Than Uyên		5.000			5.000		
6	Chỉnh trang đô thị tạo quỹ đất đầu tư định cư và phát triển kinh tế xã hội khu 8 (dọc theo đường quy hoạch mới)	Khu 8 thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên	11.000			11.000		
7	Chỉnh trang đô thị tạo quỹ đất đầu tư định cư và phát triển kinh tế xã hội khu 2 (đoạn phía chợ mới)	Khu 8 thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên	11.000			11.000		
8	Chỉnh trang đô thị tạo quỹ đất đầu tư định cư và phát triển kinh tế xã hội khu 9 (dọc theo đường quy hoạch mới)	Khu 9 thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên	13.000			13.000		
10	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới khu 8, 9, 10 thị trấn Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	1.540			1.540		



TT	Nội dung công việc	Địa điểm	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí/nguồn vốn (triệu đồng)				Ghi chú
				Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Các nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn hỗ trợ khác	
D	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật khác							
1	Kè tuyến mương thoát nước khu 5b thị trấn Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	8.000		8.000			
2	Căn cứ chiến đấu giả định	Thị trấn Than Uyên	1.500		1.500			
3	Kè tuyến mương thoát nước từ cầu Trâu đến gần hồ Khu 9	Thị trấn Than Uyên	3.000			3.000		
4	Kè suối Nậm Bốn đầu nối với cầu đập tràn hồ Than Uyên, kết hợp đường GTNT tại khu 1, 4 thị trấn Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	3.000			3.000		
5	Kè chống sạt lở đất khu dân cư ngõ 213 đường Điện Biên Phủ (khu 10) Thị trấn Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	3.000			3.000		
6	Đầu tư làm mới và sửa chữa các tuyến mương thủy lợi khu 8, 9, 10 thị trấn Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	600	600				
7	Nâng cấp công trình đập thủy lợi khu 9 thị trấn Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	3.000		3.000			
8	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống cấp nước sinh hoạt khu 9	Thị trấn Than Uyên	500	500				
E	Đầu tư xây dựng một số công trình khác trên địa bàn...							

Ghi chú: - Tên công trình, dự án được tạm thời xác định tại thời điểm lập hồ sơ; tên cụ thể, chính xác sẽ được xác định trong quá trình lập, phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Quy mô, phạm vi ranh giới, diện tích sử dụng đất và tổng mức đầu tư trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư./.





DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2031-2035
(Kèm theo Nghị quyết số 157/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND huyện Than Uyên)

TT	Nội dung công việc	Địa điểm	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí/nguồn vốn (triệu đồng)				Ghi chú
				Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Các nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn hỗ trợ khác	
			1.501.432	543.100	530.000	76.532	351.800	
A	Hạ tầng xã hội							
I	Công trình văn hóa							
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa các khu dân cư Thị trấn Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	4.000			4.000		
2	Xây mới trung tâm văn hóa huyện	Thị trấn Than Uyên	10.000	10.000				
3	Xây mới cung thiếu nhi	Thị trấn Than Uyên	10.000	10.000				
4	Khu bảo tồn văn hóa các dân tộc huyện Than Uyên	xã Mường Cang	30.000		30.000			
II	Công trình thương mại, dịch vụ							
1	Dự án xây dựng nhà hàng, khách sạn nghỉ dưỡng sinh thái thị trấn Than Uyên.	Khu 2 thị trấn Than Uyên	150.000				150.000	
2	Xây dựng mới các công trình siêu thị, trung tâm thương mại (tại thị trấn Than Uyên)	Thị trấn Than Uyên	50.000				50.000	
III	Công trình trụ sở							
1	Xây dựng các công trình giáo dục theo Quy hoạch được duyệt.	Khu 6 thị trấn Than Uyên	30.000		30.000			

TT	Nội dung công việc	Địa điểm	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí/nguồn vốn (triệu đồng)				Ghi chú
				Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Các nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn hỗ trợ khác	
2	Xây dựng trụ sở Công an phòng cháy, chữa cháy thị trấn Than Uyên	Khu 10 thị trấn Than Uyên	10.000	10.000				
3	Xây dựng Trung tâm hành chính mới huyện Than Uyên	Khu 10 thị trấn Than Uyên	450.000		450.000			
IV	Công trình thể thao							
1	Cải tạo, sửa chữa các công trình thể dục, thể thao trên địa bàn	Thị trấn Than Uyên	5.000			5.000		
B	Hạ tầng kỹ thuật							
I	Giao Thông							
1	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đường Chu Văn An	Thị trấn Than Uyên	640			640		
2	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đường Lý Tự Trọng		740			740		
3	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đường 15/10		2.632			2.632		
4	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đường Thanh Niên		3.520			3.520		
5	Đầu tư xây dựng mở mới các tuyến đường theo Quy hoạch chung thị trấn Than Uyên (GD2)	Thị trấn Than Uyên	513.100					
II	Hệ thống thoát nước							
1	Cải tạo kết hợp xây dựng mới hệ thống thoát nước mặt thị trấn Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	1.800				1.800	
III	Cấp điện							

TT	Nội dung công việc	Địa điểm	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí/nguồn vốn (triệu đồng)				Ghi chú
				Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Các nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn hỗ trợ khác	
1	Nâng cấp công trình điện chiếu sáng các khu dân cư thị trấn Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	20.000		15.000	5.000		
IV	Xử lý nước Thải							
1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung thị trấn Than Uyên (GD3)	Thị trấn Than Uyên	150.000				150.000	
V	Cây xanh							
1	Duy tu, trồng mới hệ thống cây xanh trên địa bàn thị trấn	Thị trấn Than Uyên	10.000		5.000	5.000		
C	Cải tạo chỉnh trang đô thị							
1	Xây dựng các dự án tạo quỹ đất ở mới trên địa bàn thị trấn	Thị trấn Than Uyên	50.000			50.000		
2	Dự án phát triển nhà ở xã hội	Thị trấn Than Uyên						
3	Nâng cấp, sửa chữa, xây dựng một số dự án khác trên địa bàn thị trấn...	Thị trấn Than Uyên						
D	Đầu tư xây dựng một số công trình khác trên địa bàn...							

Ghi chú: - Tên công trình, dự án được tạm thời xác định tại thời điểm lập hồ sơ; tên cụ thể, chính xác sẽ được xác định trong quá trình lập, phê duyệt chủ trương đầu tư;

- Quy mô, phạm vi ranh giới, diện tích sử dụng đất và tổng mức đầu tư trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư./.